

Bản án số: 59/2024/HSST
Ngày 05 tháng 8 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phước Tân – Cán bộ hưu trí.

2. Bà Lâm Thị N Giàu – Bí thư Huyện đoàn An Phú.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thanh Trúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Minh Triết - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2024/TLST-HS, ngày 12 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2024/QĐXXST-HS, ngày 22 tháng 7 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị T M, sinh ngày 16/01/2006 tại huyện An Phú, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bảo D, sinh năm 1983 và bà Trần Thị H, sinh năm 1978; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt.

2. Nguyễn Thị N T, sinh ngày 18/5/2006 tại huyện An Phú, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1972 và bà Trần Thị N2, sinh năm 1970; anh, em ruột có 02 người, bị cáo là người nhỏ nhất; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thị T M và bị cáo Nguyễn Thị N T: Bà Lê Hồ Bích Hằng - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang. (Có mặt)

Người giám hộ cho bị cáo Nguyễn Thị T M; đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Bảo D, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (Có mặt)

Người giám hộ cho bị cáo Nguyễn Thị N T; đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (Có mặt)

- *Bị hại:*

1. Ông Mai Văn B, sinh năm 1961; nơi cư trú: Ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (Có mặt)

2. Bà Hồ Thị A, sinh năm 1961; nơi cư trú: Ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

3. Bà Mai Thị Mỹ N, sinh năm 1987; nơi cư trú: Ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1997; nơi cư trú: Ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

2. Ông Hồ Duy T1, sinh năm 2004; nơi cư trú: Ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

3. Bà Trần Thị K1, sinh năm 1952; nơi cư trú: Ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10/2022, Nguyễn Thị T M và Nguyễn Thị N T được gia đình ông Mai Văn B thuê để giúp việc nhà. Trong thời gian làm việc tại đây, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên M và T đã thống nhất nhiều lần cùng nhau lấy trộm tài sản của gia đình ông B. Cụ thể:

- Lần thứ nhất: Khoảng tháng 6/2023, lấy trộm của bà Hồ Thị A (vợ ông B) 500.000 đồng.

- Lần thứ hai: Sau lần thứ nhất khoảng 20 ngày, lấy trộm của bà Hồ Thị A 300.000 đồng.

- Lần thứ ba: Tháng 11/2023, lấy trộm của bà Hồ Thị An 8.000.000 đồng.

- Lần thứ tư: Sau lần thứ ba khoảng 10 ngày, lấy trộm của ông Mai Văn B 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax. Sau đó, M đem bán tại cửa hàng điện thoại di động Thanh Danh (khóm An Hưng, thị trấn An Phú, huyện An Phú) được 9.000.000 đồng.

- Lần thứ năm: Ngày 01/12/2023, lấy trộm của bà Mai Thị Mỹ N (con ruột ông B) số tiền 7.000.000 đồng.

- Lần thứ sáu: Ngày 02/12/2023, tiếp tục lấy trộm của bà Mai Thị Mỹ N số tiền 10.000.000 đồng.

Toàn B số tiền lấy trộm và số tiền bán điện thoại các bị cáo chia nhau tiêu xài.

Kết luận định giá tài sản số 177/KL-HĐĐG.TTHS ngày 20/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện An Phú, tỉnh An Giang xác định: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, 128GB, màu vàng gold, đã qua sử dụng có giá 12.490.000 đồng.

Kết luận giám định độ tuổi trên người sống số 29/KLGĐĐT-TTPYCT ngày 22/02/2024 xác định: Qua quá trình khám giám định, kết quả khám chuyên khoa và cận lâm sàng, xác định Nguyễn Thị T M, có độ tuổi từ 17 năm 06 tháng đến 18 năm (tại thời điểm giám định ngày 07/02/2024).

Kết luận giám định độ tuổi trên người sống số 35/KLGĐĐT-TTPYCT ngày 11/03/2024 xác định: qua quá trình khám giám định, kết quả khám chuyên khoa và cận lâm sàng, xác định Nguyễn Thị N T, có độ tuổi từ 17 năm 03 tháng đến 17 năm 09 tháng (tại thời điểm giám định ngày 08/3/2024).

Ngày 16/4/2024, Nguyễn Thị T M và Nguyễn Thị N T bị khởi tố để điều tra.

Cáo trạng số 48/CT-VKSAP-HS, ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố Nguyễn Thị T M và Nguyễn Thị N T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 B luật hình sự.

Tại phiên tòa,

Các bị cáo Nguyễn Thị T M và Nguyễn Thị N T thừa nhận toàn B hành vi phạm tội như đã nêu trên. Trong 6 lần lấy trộm, M trực tiếp thực hiện 4 lần, T trực tiếp thực hiện 2 lần. Lần đầu tiên M là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện.

Bị hại ông Mai Văn B và bà Mai Thị Mỹ N trình bày phù hợp nội dung vụ án. Ông B, bà N xác định đã nhận tiền bồi thường từ gia đình các bị cáo, không yêu cầu gì khác, xin Hội đồng xét xử tha thứ cho các bị cáo.

Ông Nguyễn Bảo Dân và ông Nguyễn Văn Nhiên trình bày: Các ông là cha của bị cáo M và bị cáo T. Sau khi hay biết sự việc, gia đình đã thỏa thuận bồi thường cho gia đình ông B 36.830.000 đồng để khắc phục hậu quả. Qua sự việc, các ông không yêu cầu M và T trả lại số tiền trên.

Bà Hồ Thị An trình bày phù hợp với nội dung vụ án. Qua sự việc, bà An đã nhận đủ tiền bồi thường nên không yêu cầu bồi thường gì thêm. Đồng thời có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho T và M. (BL 177 – 183)

Anh Hồ Duy Thanh cho biết, trong tháng 11/2023 (không nhớ ngày cụ thể), anh có chở Nguyễn Thị T M đến cửa hàng điện thoại di động Thanh Danh, tuy nhiên anh không biết mục đích của M khi đến đây. Việc M trộm cắp tài sản của gia đình ông Mai Văn B anh không biết hay liên quan gì, cũng không hưởng lợi gì từ việc trộm cắp tài sản. (BL 203 – 204)

Ông Nguyễn Văn K cho biết, ông là anh ruột của Nguyễn Thị N T. Sau khi

hay biết sự việc ông có thay T bồi thường 9.600.000 đồng để khắc phục hậu quả cho gia đình ông Mai Văn B. Qua sự việc, ông không yêu cầu T trả lại số tiền trên. (BL 191 – 194)

Bà Trần Thị K cho biết, bà là bà nội của Nguyễn Thị T M, bà nhiều lần được M cho tiền tiêu xài nhưng không xác định được lần nào là tiền do M phạm tội mà có. (BL 207)

Trong lời luận tội, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91, 101; Điều 17, 58; Điều 38, 65 B luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T M và bị cáo Nguyễn Thị N T từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Án định thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Các bị cáo M, T không có ý kiến tranh luận.

Quan điểm tranh luận của người bào chữa: Bà Lê Hồ Bích Hằng thống nhất tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; bị hại cũng xin tha thứ cho các bị cáo. Ngoài ra, thời điểm thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo còn ở tuổi vị thành niên, các bị cáo là phụ nữ, nên đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, hứa không tái phạm và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là đầy đủ và phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện được xác định là hợp pháp.

[1.2] Về việc vắng mặt tại phiên tòa: Bị hại bà Hồ Thị An; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn K, Hồ Duy Thanh, Trần Thị Kiên vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ vụ án. Đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo, người bào chữa không có ý kiến về việc vắng mặt của họ. Xét việc họ vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 291, 292 của B luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét thấy lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại. Căn cứ vào các lời khai; các biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 07/12/2023 và ngày 08/12/2023; kết luận về độ tuổi; kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, có căn cứ xác định:

Từ tháng 6 năm 2023 đến ngày 02/12/2023 Nguyễn Thị T M và Nguyễn Thị N T 6 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tiền, điện thoại của bà Hồ Thị An, ông Mai Văn B và Mai Thị Mỹ N với tổng giá trị 38.290.000 đồng, trong đó có 4 lần giá trị tài sản trên định lượng. Trong 6 lần chiếm đoạt, M trực tiếp thực hiện 4 lần, T trực tiếp thực hiện 2 lần và chia nhau tiêu xài.

Từ đó đủ sở kết luận, hành vi lén lút lấy tài sản của Nguyễn Thị T M và Nguyễn Thị N T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 B luật hình sự có mức hình phạt đến 03 năm tù. Xác định Cáo trạng số 48/CT-VKSAP-HS, ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố Nguyễn Thị T M và Nguyễn Thị N T là có căn cứ, đúng quy định.

[3] Đây là vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Các bị cáo có quan hệ họ hàng, cô, cháu của nhau; cùng có ý chí và cùng thực hiện hành vi trộm cắp tiền, tài sản bán chia nhau tiêu xài. Nguyên nhân các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp là do thiếu ý thức chấp hành pháp luật, muốn có tiền tiêu xài và có sự sơ hở trong quản lý tài sản của các bị hại. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân và làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó cần xử lý nghiêm nhằm răn đe, trừng trị các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về hình phạt:

Về nhân thân: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Trong 6 lần thực hiện hành vi trộm cắp, có 4 lần giá trị tài sản trên định lượng (trên 2.000.000 đồng). Do đó các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội 2 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 B luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Hội đồng xét xử thống nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả. Các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, người bị hại cũng xin xem xét giảm nhẹ hình phạt, nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 B luật Hình sự. Ngoài ra, vào thời điểm thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng các quy định xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại Điều 91 B luật Hình sự và áp dụng mức hình phạt theo quy định tại Điều 101 B luật Hình sự.

Về vai trò trong đồng phạm: Bị cáo M là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện lần đầu và sau đó trực tiếp thực hiện 3 lần nữa; bị cáo T trực tiếp thực

hiện 2 lần. Số tiền bị cáo M nhận được cũng nhiều hơn, nên hình phạt áp dụng đối với bị cáo M là cao hơn so bị cáo T.

Xét các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; chưa có tiền án, tiền sự; thật sự ăn năn hối cải, thời gian tại ngoại chấp hành tốt các quy định; các bị cáo và bị hại có mối quan hệ họ hàng, bị hại cũng xin tha thứ cho các bị cáo. Nhận thấy không cần thiết áp dụng hình phạt cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục cũng đảm bảo răn đe và phòng ngừa; đồng thời để các bị cáo có điều kiện lao động lo cho cuộc sống gia đình., nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 B luật Hình sự, “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Xét thời điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo chưa đủ 18 tuổi. Căn cứ khoản 6 Điều 91 B luật Hình sự không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Mai Văn B, bà Hồ Thị An, bà Mai Thị Mỹ N đã được bồi thường tiền cũng như giá trị tài sản bị mất trộm, không có yêu cầu gì khác, nên không xem xét giải quyết.

[7] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Bảo Dân, ông Nguyễn Văn K đã bồi thường cho gia đình ông Mai Văn B 36.830.000 đồng để khắc phục hậu quả. Các ông không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền trên, nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị T M và bị cáo Nguyễn Thị N T đồng phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Về hình phạt:

1.1 Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58; Điều 91, 101; Điều 38, 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T M 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 05/8/2024).

1.2 Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58; Điều 91, 101; Điều 38, 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N T 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 05/8/2024).

Giao bị cáo Nguyễn Thị T M và bị cáo Nguyễn Thị N T cho Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu, huyện An Phú, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí:

Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội,

- Bị cáo Nguyễn Thị T M phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Thị N T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các điều điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Án tuyên công khai có mặt các bị cáo Nguyễn Thị T M và bị cáo Nguyễn Thị N T; bị hại ông Mai Văn B và bà Mai Thị Mỹ N; người giám hộ ông Nguyễn Bảo D và ông Nguyễn Văn N1. Thời hạn kháng cáo của các bị cáo, các ông bà B, N, D, N1 là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/8/2024). Thời hạn kháng cáo của những người vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Đã giải thích chế định án treo cho các bị cáo.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- NTG Công an huyện An Phú (4);
- CC THADS huyện An Phú (1);
- Phòng HS Công an tỉnh (1);
- B phận THAHS Tòa án (2);
- UBND xã Phú Hữu (1);
- Các bị cáo (2);
- Đường sự (6);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Sáu

